TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/11/2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh.

Ông Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2018 về việc " Tranh chấp hôn nhân gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T , sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn CH , xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang làm việc tại Singapore.

Chị T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Nguyễn Thị S , sinh năm 1967 (là mẹ chị T).

Địa chỉ: Thôn CH , xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang.

Bà S xin vắng mặt trong quá trình giải quyết.

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân H , sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Tân Văn 3, xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang.

Anh H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 02/8/2018 nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 05/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Nguyễn Xuân H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong cuộc sống, anh H không tu chí làm ăn không quan tâm tới vợ con. Năm 2018 chị T đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H .

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, con thứ nhất là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/9/2011; con thứ hai là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 02/10/2016. Hiện nay anh H không có công việc ổn định hay đi làm ăn xa, không quan tâm tới con, hiện các con chung do ông bà nội và ông bà ngoại nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung. Chị T sẽ làm thủ tục đón con sang Singapore học tập và sống cùng chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Do chị hết phép ở lại Việt Nam và phải quay lại Singapore để làm việc, nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Xuân H được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Xuân H . Chị cũng ủy quyền cho mẹ là bà Nguyễn Thị S , sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn CH , xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị được biết và đại diện cho chị đến Tòa làm việc.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị Hoàng Thị T trình bày là đúng. Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn

ngày 05/01/2011 tại UBND xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị T có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do gia đình anh không nhất trí cho chị chị Hoàng Thị T đi nước ngoài vì con cái còn nhỏ. Sau đó chị Hoàng Thị T vẫn kiên quyết đi, từ khi đi nước ngoài đến nay chị T không liên lạc về cho gia đình anh và không về thăm con cũng như chu cấp chăm nuôi con. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu thứ nhất là Nguyễn Hoàng P – Sinh ngày 12/9/2011; cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng M – sinh ngày 02/10/2016. Hiện nay hai cháu vẫn khỏe mạnh, các cháu hiện nay vẫn do gia đình anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh không đồng ý để chị T nuôi 2 con chung, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu P và giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị T và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị T và anh. Anh cũng có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1958, địa chỉ: thôn TV 3, xã TD , huyện LG là mẹ đẻ nhận văn bản tố tụng.

Tại đơn đề nghị ngày 03/8/2018 cháu Nguyễn Hoàng P trình bày: cháu biết bố mẹ đang ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, cháu không có ý kiến gì về việc bố mẹ cháu ly hôn. Hiện nay bố cháu đi làm, thỉnh thoảng mới về, chỉ về buổi tối, hiện nay cháu sống cùng ông bà nội, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

Ngày 23/8/2018 cháu P có văn bản trình bày: Từ bé cháu ở với bố và ông bà nội do vậy cháu muốn ở cùng ông bà nội và bố.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cháu P có nguyện vọng được ở với bố.

Theo biên bản làm việc ngày 14/9/2018 tại Tòa án, bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà S đã được Tòa án thông báo yêu cầu giải quyết nuôi con chung sau khi ly hôn của anh H và nguyện vọng của cháu P muốn ở với bố. Bà đã liên lạc trao đổi với con gái là chị Hoàng Thị T và chị T có quan điểm đồng ý với nguyện vọng của

cháu P và yêu cầu của anh H về giải quyết nuôi con chung. Cháu P muốn ở với ai là do nguyện vọng của cháu, chị T không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, do chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị T , Bản tự khai của anh H , tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H . Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/9/2011 cho anh H nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 02/10/2016 cho chị T nuôi dưỡng; Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị T có văn bản ủy quyền hợp lệ cho mẹ là bà Nguyễn Thị S nhận văn bản tố tụng của Tòa án; anh H có văn bản ủy quyền cho mẹ là bà Nguyễn Thị H nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng văn bản ủy quyền không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không có căn cứ chấp nhận việc ủy quyền này. Tại phiên tòa chị T , anh H vắng mặt. Tuy nhiên, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Xuân H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị T , anh H .

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T là nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Singapore có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Xuân H là người có hộ khẩu thường trú tại thôn TV 3, xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 05/01/2011, đăng ký tại UBND xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Trước khi kết hôn chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Xuân H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Từ năm 2016 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, anh H không tu chí làm ăn không quan tâm tới vợ con, khi chị T đi nước ngoài thì gia đình anh H phản đối, không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H .

[4]. Về con chung: Chị T , anh H có hai con chung, cháu thứ nhất là Nguyễn Hoàng P – Sinh ngày 12/9/2011; cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng M – sinh ngày 02/10/2016. Hiện cháu P đang sống cùng anh H và ông bà nội, cháu M đang sống cùng ông bà ngoại.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị được nuôi hai con chung là cháu P và cháu M, sau ly hôn chị sẽ đón cả hai con sang Singapore sinh sống. Anh H cũng có nguyện vọng được nuôi cháu P, cháu P có nguyện vọng được ở với bố, chị T đồng ý với nguyện vọng của cháu P và không có ý kiến gì.

HĐXX xét thấy, anh H hiện đang làm việc tại Công ty TNHH xây dựng và vận tải HX (có địa chỉ tại thôn TV 1, xã TD , huyện LG , tỉnh Bắc Giang) với mức lương 10.000.000 đồng/1 tháng. Anh H và cháu P đang sinh sống cùng bố mẹ anh H. Như vậy anh H có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu P. Đối với cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 02/10/2016 chưa đủ 36 tháng tuổi về nguyên tắc được giao cho người mẹ nuôi dưỡng nếu không có thỏa thuận nào khác. Chị T có công việc, có thu nhập, là người bình thường có đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ yêu cầu của anh H , chị T , nguyện vọng của con chung, quy định tại Điều 81- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX giao con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/9/2011 cho anh Nguyễn Xuân H nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 02/10/2016 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng.

Căn cứ quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem

xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản chung: Chị T, anh H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 59- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: chị T, anh H xác định không có nghĩa vụ chung và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147- Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

[2]. Về con chung:

- Giao con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/9/2011 cho anh Nguyễn Xuân H nuôi dưỡng;

- Giao con chung Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 02/10/2016 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng.

- Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết.

[3]. Quyền, nghĩa vụ về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số

AA/2012/07453 ngày 03/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo:

- Chị Hoàng Thị T cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Xuân H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã TD, LG ;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng